

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ - ST

Ngày 26 - 02 - 2024

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Trường

2. Bà Phạm Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/02/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Xuân T, sinh năm 1961

ĐKKHKT: Thôn TD, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Nữ H - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967

ĐKKHKT: Thôn TD, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên hệ: Ông Nguyễn Huy C1, sinh năm 1970 (là em trai bà Nguyễn Thị S), thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa ông T và bà H có mặt, bà S có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2023, bản tự khai ngày 10/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Xuân T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 21 tháng 6 năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 1999 thì ông và bà S phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà S đã làm đơn xin ly hôn gửi đến UBND xã nhưng chưa giải quyết, vợ chồng cho nhau cơ hội. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Ông và bà S sống ly thân từ tháng 7 năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xét thấy ông và bà S không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống không thể kéo dài nên ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Nguyễn Thị S là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà S có 02 con chung là Lê Xuân N, sinh ngày 14/4/1994 và Lê Xuân D, sinh ngày 12/10/1999. Hiện nay 2 con đã thành niên và tự lập cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 10/10/2023, ngày 23/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Xuân T về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống từ năm 1994 đến năm 2009 thì bà S và ông T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông T sống ly thân từ năm 2009 đến nay, mỗi người ở mỗi nơi. Nay ông T yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng thì bà cũng đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Lê Xuân N, sinh ngày 14/4/1994 và Lê Xuân D, sinh ngày 12/10/1999. Hiện nay 2 con đã thành niên và tự lập cuộc sống nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Bà và ông T đã tự thỏa thuận được với nhau nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Biên bản xác minh ngày 16/01/2024 tại UBND xã V, huyện C cung cấp:*

Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, đến năm 2009 ông T và bà S xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã V thì ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, thông tin đăng ký kết hôn giữa ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S không được lưu trữ trong hệ thống sổ sách của UBND xã V, huyện C.

** Tại phiên tòa:*

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Nguyễn Thị S là vợ chồng. Về con chung, về tài sản và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên không công nhận ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S là vợ chồng. Về con chung, về tài sản và nợ chung: Ông T và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng. Về con chung, tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Ông T và bà S chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S.

+ Về con chung: Ông T và bà S có 2 con chung là Lê Xuân N, sinh ngày 14/4/1994 và Lê Xuân D, sinh ngày 12/10/1999. Hiện nay 2 con đã thành niên và tự lập cuộc sống nên không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Ông T và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Xuân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà S là vợ chồng. Bà S có địa chỉ thường trú tại thôn TD, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 8 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

- Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà S theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1994. Quá trình chung sống ông T và bà S phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải nên ông T và bà S đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Xét quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà S có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà S có 2 con chung là Lê Xuân N, sinh ngày 14/4/1994 và Lê Xuân D, sinh ngày 12/10/1999. Hiện nay 2 con đã thành niên và tự lập cuộc sống nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Ông T và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông T là người có công với cách mạng và là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị S là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông T và bà S có 2 con chung là Lê Xuân N, sinh ngày 14/4/1994 và Lê Xuân D, sinh ngày 12/10/1999. Hiện nay 2 con đã thành niên và tự lập cuộc sống nên không xem xét.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Xuân T.

4. Quyền kháng cáo: Ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà